

Bản án số: 31/2021/HS - ST
Ngày 09 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hàng A Vàng

Ông Nguyễn Quốc Huy

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Lệ Quyên – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: bà Bùi Hiền Lương, Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Trung N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2000 tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHTT: Xóm 8, thôn Cháp Trung 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Tạm trú: Bản Nậm L 3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Vũ Thanh Ngh, sinh năm 1980 và con bà Lương Thị Thanh Ng, sinh năm 1983; Vợ, con: Không có; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân: Bị cáo đã 02 lần bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, cụ thể: Tại bản án số 125/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt Vũ Trung N 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo Vũ Trung N 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2020 đến ngày 25/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 11/3/2021 bị truy nã theo quyết định truy nã số 04/QĐTN-ĐCSHS của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L. Ngày 30/4/2021 bị cáo ra đầu thú tại Công an phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, cùng ngày 30/4/2021 bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố L cho đến nay, *bị cáo có mặt tại phiên toà.*

- Bị hại:

Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ngõ 435 đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Có mặt tại phiên tòa”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

“có mặt tại phiên tòa”.

+ Anh Ninh Công Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: Bản Trung Tâm, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

“vắng mặt tại phiên tòa, có lý do”

- *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ngõ 435, đường Trần Hưng Đạo, Tổ 6, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu “vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/11/2020, Vũ Trung N điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 17F4-7830 do N mượn của chị Phạm Thị H1, sinh năm 1977 đi đến nhà chị H1 đối diện với nhà anh Đỗ Văn D, sinh năm 1986, trú tại ngõ 435, đường Trần Hưng Đạo, tổ 05, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu để chơi. Do nhà chị H1 không có ai, N quan sát nhà của anh Đỗ Văn D thấy cổng đang khóa, không có ai ở nhà nên N dùng 01 mỏ lết ở trong cốp xe máy phá khóa cổng nhà anh D, cầm ổ khóa treo trên cánh cổng, rồi tiếp tục dùng mỏ lết đập vỡ 01 ô kính cửa phía trước, mở chốt khóa bên trong cửa và vứt mỏ lết ở gần tường bao cổng nhà anh D. N vào nhà tìm kiếm tài sản, thì phát hiện trong túi áo khoác màu hồng treo trên cánh tủ ngoài phòng khách có 300.000 đồng (gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng), lấy tiền cất vào túi quần bên trái phía sau của mình rồi đi vào phòng ngủ gần cửa ra vào. N phát hiện 01 ngăn tủ quần áo bằng nhựa đang bị khóa, dùng tay giật mạnh ngăn tủ làm khóa tủ bị gãy, mở tủ thấy có 01 chiếc ví màu đỏ, mở ví kiểm tra, bên trong có 7.000.000 đồng (gồm 14 tờ tiền polime, mỗi tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng). N lấy tiền rồi cất vào túi quần bên trái đang mặc, rồi để ví vào vị trí ban đầu, đi ra ngoài khép cổng lại, điều khiển xe đến chợ Đ thuộc phường Đ thành phố L. N vào cửa hàng bán quần áo của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, trú tại tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu mua 01 đôi dép, 01 quần bò, 01 áo cộc tay và 01 áo khoác hết 580.000 đồng. Sau đó, N tiếp tục điều khiển xe đi đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Trên đường đi, N thay quần, áo vừa mua được rồi vứt quần áo cũ xuống suối cạnh đường đi nhưng không nhớ chính xác vứt ở địa điểm nào. Tại thị trấn T, N mua được 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus màu xám cũ kèm 01 thẻ sim điện thoại và 01 ốp điện thoại bằng nhựa có chữ doremon với giá 2.850.000 đồng tại cửa hàng mua bán điện thoại của anh Ninh Công Tr, sinh năm 1980 tại bản Trung Tâm, thị trấn T, huyện T và chi tiêu cho cá nhân hết 215.000 đồng. Sau đó, N điều khiển xe về phòng trọ của mình ở bản Nậm L 3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Cùng ngày, anh Đỗ Văn D có đơn trình báo đến Công an thành phố L về việc bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy trộm số tiền 7.300.000 đồng của gia đình anh, anh và chị

H1 xem lại camera trên điện thoại của anh thì chị H1 nhận ra đối tượng đã đột nhập vào nhà anh D lấy trộm tài sản là Vũ Trung N, sinh năm 2000 (là người cùng quê với chị H1) hiện đang tH1 trợ tại bản Nậm L 3, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu thường xuyên đến nhà chị H1 chơi. Ngày 30/11/2020, Cơ quan CSĐT tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ tại hiện trường: 01 mô lét bằng kim loại dài 25cm đã qua sử dụng, 01 ổ khóa Việt Tiệp bằng kim loại đã qua sử dụng, 01 mảnh kính vỡ có kích thước 13x10cm, trên kính có miếng dán bằng nhựa màu đen; 01 ví da màu đỏ có kích thước 25x15cm, miếng khóa túi bằng kim loại.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trung N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

- Bị hại anh Đỗ Văn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Thời gian, địa điểm, tổng số tiền và mệnh giá các tờ tiền anh bị mất trộm cũng như các tài sản của anh bị hỏng do bị cáo N thực hiện hành vi đều phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 7.300.000 đồng, phải bồi thường tổng số tiền sửa chữa ô cửa kính, khóa tủ quần áo và 01 ổ khóa việt tiệp do bị cáo làm hỏng là 1.990.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trong quá trình điều tra, tại phiên tòa chị trình bày: Thời gian, địa điểm, số lượng, đặc điểm quần, áo, dép mà bị cáo N mua tại cửa hàng chị với tổng số tiền là 580.000 đồng, việc mua bán là tự nguyện chị không biết nguồn gốc tiền là do bị cáo N trộm cắp mà có, lời khai của chị phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ngày 01/12/2020 chị đã giao nộp lại số tiền trên cho Công an thành phố L, nay chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị số tiền 580.000đ là tiền hợp pháp của chị mà chị đã giao nộp cho Công an thành phố L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ninh Công Tr trong quá trình điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Anh là chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại, ngày 30/11/2020 anh có bán cho bị cáo N 01 điện thoại Iphone 6s plus màu xám cũ bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, bên ngoài có ốp điện thoại bằng nhựa có chữ doremon với giá 2.850.000 đồng, khi bán điện thoại cho N anh không biết nguồn gốc số tiền mua điện thoại của N là do phạm tội mà có. Ngày 01/12/2020 anh đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.850.000 đồng. Ngày 06/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố L đã trả lại tài sản trên cho anh và anh không yêu cầu gì đối với số tiền 2.850.000 đồng và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng chị Phạm Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra chị trình bày: Chị và bị cáo N có quen biết do cùng quê với nhau, N thường xuyên đến nhà chị chơi và chị có cho N mượn 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 17F4-7830 hiện đã bị rơi biển kiểm soát để làm phương tiện đi lại, N dùng xe vào việc phạm tội chị không biết. Chị đã được cơ quan điều tra trả lại xe máy nên chị không có ý kiến gì. Ngày 30/11/2020 hàng xóm nhà chị là anh Đỗ Văn D có bị mất trộm, chị và anh D có xem lại camera trên điện thoại của anh D thì chị nhận ra đối tượng đã đột nhập vào nhà anh D lấy trộm tài sản là Vũ Trung N.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTP ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Vũ Trung N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Trung N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2021, khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy: 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm đã qua sử dụng; 01 ổ khóa Việt Tiệp bằng kim loại đã qua sử dụng, 01 mảnh kính vỡ có kích thước 13x10cm, trên kính có miếng dán bằng nhựa màu đen; 01 ví da màu đỏ có kích thước 25x15cm, miệng khóa túi bằng kim loại. Hiện đang được niêm phong trong 01 hộp giấy cát tông bằng giấy màu xanh trắng; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại số tiền 6.505.000 đồng cho bị hại anh Đỗ Văn D; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 133 Bộ luật dân sự trả lại số tiền 580.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 589 BLDS buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đỗ Văn D số tiền 795.000 đồng và bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho anh D số tiền 1.990.000 đồng; Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hành vi tố tụng của các cơ quan tố tụng, các quyết định, cáo trạng, kết luận nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Vũ Trung N được Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, Tòa án đã ban hành công văn yêu cầu Công an thành phố L ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Ngày 11/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra quyết định truy nã số 04/QĐTN đối với bị cáo; Tòa án nhân dân thành phố L đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự số 01/2021/HSST-QĐ ngày 12/3/2021. Đến ngày 30/4/2021 bị cáo Vũ Trung N ra đầu thú tại Công an phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội theo Quyết định truy nã, cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L ban hành Quyết định đình chỉ số 04/QĐĐN-ĐCSHS và Tòa án nhân dân thành phố L đã ban hành Quyết định phục hồi vụ án số 01/2021/HSST-QĐ đối với bị cáo Vũ Trung N là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vì mục đích tư lợi cá nhân, nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/11/2020, tại ngõ 435, đường Trần Hưng Đạo, tổ 05, phường QT, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Vũ Trung N đã dùng 01 mỏ lết phá khóa cổng và ô cửa kính nhà anh Đỗ Văn D, đột nhập vào nhà lấy trộm số tiền 7.300.000 đồng của gia đình anh D. Số tiền trộm cắp được N đã tiêu dùng cho bản thân hết 3.645.000 đồng. Số tiền 3.655.000 đồng còn lại N đã giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố L.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Trung N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu: Bản án số 125/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt Vũ Trung N 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo Vũ Trung N 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56, 104 Bộ luật tố tụng hình sự, tổng hợp hình phạt của Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 03 tháng tù. Tại hai bản án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự, đến lần phạm tội này bị cáo không có án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú tại Công an phường Đức Giang, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng hơn nữa bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với số tiền 2.850.000 đồng do anh Ninh Công Tr giao nộp ngày 01/12/2020, kết quả điều tra xác định đây là số tiền mà bị cáo trộm cắp của anh Đỗ Văn D dùng để mua 01 điện thoại Iphone 6s plus màu xám cũ bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, bên ngoài có ốp điện thoại bằng nhựa có chữ doremon của anh Tr. Anh Tr đã nhận lại được tài sản trên và không yêu cầu gì đối với số tiền 2.850.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải trả lại số tiền 2.850.000 đồng cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 3.655.000 đồng bị cáo Vũ Trung N tự giác giao nộp ngày 01/12/2020, kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị hại anh Đỗ Văn D nên cần trả lại số tiền trên cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 580.000 đồng do chị Nguyễn Thị H tự giác giao nộp ngày 01/12/2020, kết quả điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa xác định việc mua bán giữa chị H và bị cáo là giao dịch tự nguyện, chị H không biết nguồn gốc số tiền 580.000 đồng mà bị cáo đưa cho chị H để mua tài sản trên là bị cáo trộm cắp mà có vì vậy việc chị H có được số tiền trên là hợp pháp. Tại phiên tòa chị H đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền 580.000 đồng cho chị, hơn nữa bị hại anh Đỗ Văn D cũng nhất trí và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền 580.000 đồng cho chị H. Do đó để đảm bảo quy định về việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 133 BLDS và theo quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS nên cần trả lại số tiền 580.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H.

- Đối với 01 mớ lết bằng kim loại dài 25cm đã qua sử dụng, 01 ổ khóa Việt Tiệp bằng kim loại đã qua sử dụng, 01 mảnh kính vỡ có kích thước 13x10cm, trên kính có

miếng dán bằng nhựa màu đen; Xét đây là công cụ phương tiện phạm tội, là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với 01 ví da màu đỏ có kích thước 25x15cm, miệng khóa túi bằng kim loại, đây là tài sản của bị hại anh Đỗ Văn D. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh D đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng. Xét đề nghị trên là tự nguyện nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 17F4-7830 hiện đã bị rơi biển kiểm soát. Kết quả điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị H1. Vũ Trung N dùng xe vào việc phạm tội chị H1 không biết. Chị H1 có đơn xin lại tài sản nên ngày 05/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố L đã trả lại tài sản trên cho chị H1 là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6s plus màu xám cũ bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, bên ngoài có ốp điện thoại bằng nhựa có chữ doremon. Kết quả điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Ninh Công Tr. Anh Tr có đơn xin lại tài sản nên ngày 06/01/2021, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản trên cho anh Tr là đúng quy định nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.300.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi trộm cắp được số tiền trên, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết 3.645.000 đồng, trong đó có 2.850.000 đồng bị cáo mua điện thoại đã được anh Ninh Công Tr đã giao nộp lại cho Công an thành phố L và 795.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân, còn lại số tiền 3.655.000 đồng bị cáo giao nộp cho Công an, xét đây là tiền do bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt trái phép của bị hại, do đó cần trả lại cho bị hại anh Đỗ Văn D tổng số tiền 6.505.000 đồng hiện là vật chứng đang được bảo quản tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố L và xét thấy cần buộc bị cáo N phải trả lại bị hại số tiền trộm cắp đã tiêu sài cá nhân là 795.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 1.990.000 đồng do bị cáo làm hư hỏng tài sản của bị hại gồm: tiền sửa chữa ô cửa kính 1.300.000đ, khóa tủ quần áo 600.000đ, 01 ổ khóa việt tiếp 90.000đ. Xét đây là yêu cầu chính đáng của bị hại, có hóa đơn sửa chữa, mua bán và bị cáo không có ý kiến gì với giá trị bị hại yêu cầu, các thiệt hại trên là thiệt hại vật chất xác định do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 1.990.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

+ Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ninh Công Tr trong quá trình điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt đều không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 133, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Trung N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Trung N 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2021, bị cáo được khấu trừ 01 (một) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tạm giữ, tạm giam. Bị cáo còn phải chấp hành là 12 (mười hai) tháng 05 (lăm) ngày tù.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 mỗ lết bằng kim loại dài 25cm đã qua sử dụng, 01 ổ khóa Việt Tiệp bằng kim loại đã qua sử dụng, 01 mảnh kính vỡ có kích thước 13x10cm, trên kính có miếng dán bằng nhựa màu đen; 01 ví da màu đỏ có kích thước 25x15cm, miếng khóa túi bằng kim loại.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 580.000 đồng (*Năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

- Trả lại cho bị hại anh Đỗ Văn D tổng số tiền 6.505.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm linh năm nghìn đồng chẵn*), trong đó có 2.850.000 đồng là tiền anh Ninh Công Tr giao nộp cho Công an thành phố L và số tiền 3.655.000 đồng bị cáo giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an thành phố L.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/01/2021 giữa Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu*).

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Trung N phải trả, bồi thường thiệt hại cho anh Đỗ Văn D tổng số tiền là 2.785.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn*), trong đó tiền bồi thường thiệt hại vật chất xác định do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho bị hại anh Đỗ Văn D là 1.990.000đ (*Một triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) và tiền bị cáo trộm cắp, chiếm đoạt của bị hại anh Đỗ Văn D là 795.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ

án hình sự Tổng số tiền án phí bị cáo Vũ Trung N phải chịu là 500.000 đồng (Năm Trăm nghìn đồng chẵn).

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại anh Đỗ Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ninh Công Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

+ Đối với đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị số tiền 580.000 đồng, đây là yêu cầu chính đáng có căn cứ nên đã được xem xét tại phần xử lý vật chứng của vụ án trả lại cho chị số tiền 580.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ninh Công Trọng tự nguyện giao nộp số tiền 2.850.000 đồng và đã nhận lại tài sản của anh là 01 điện thoại Iphone 6s plus màu xám cũ bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, bên ngoài có ốp điện thoại bằng nhựa có chữ doremon, anh không yêu cầu gì đối với số tiền 2.850.000 đồng, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên hội đồng xét xử không đề ra vấn đề giải quyết đối với anh Tr.

